

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HN&GD-PT

Ngày 09-3-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông K’Tiêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2017/TLPT-HN&GD ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”. Do Bản án sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (đã chết).

Địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn X – Có mặt

- Bà Nguyễn Thị L – Vắng mặt

- Cháu Đinh Thị Thảo V, sinh năm 2002 – Vắng mặt.

- Cháu Đinh Thị Thảo D, sinh năm 2013 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Cháu Đinh Thị Thảo D1, sinh năm 2008 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu Đinh Thị Thảo V, Đinh Thị Thảo D, Đinh Thị Thảo D1: Ông Nguyễn Văn X (Văn bản cử người đại diện theo pháp luật số 02 ngày 12-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút) – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn X (Văn bản ủy quyền ngày 22-6-2017) – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn X: Ông Lê Quang T.

Địa chỉ: Số 36, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 20-7-2017) – Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1979 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hùng - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Địa chỉ: Số 25, đường Tôn Đức Thắng, Tổ 8, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985 và anh Phạm Hồng T, sinh năm 1979 – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T: Ông Lê Quang T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 36, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 01-7-2017 và ngày 06-7-2017).

- Anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N.

Địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Anh Mai Văn C có mặt, chị Đinh Thị N vắng mặt và ủy quyền cho anh Mai Văn C (Văn bản ủy quyền này 09-8-2017).

- Ông Hoàng Văn T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn X là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đinh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02-4-2015; đơn khởi kiện bổ sung ngày 12-10-2016 và quá trình giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thị T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn X (bố chị Nguyễn Thị T) người đại diện theo ủy quyền người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Đã được giải quyết tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2016/HNGĐ-ST ngày 01-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47, diện tích 8.600m² và thửa đất số 334, tờ bản đồ số 21 (hiện nay là tờ bản đồ số 47), diện tích 9.106m², nguồn gốc hai thửa đất trên là do anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T

nhận chuyển nhượng sau khi kết hôn và tài sản gắn liền trên đất như cây trồng, nhà ở, công trình xây dựng, giếng nước và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 xe mô tô; 01 tivi Samsung 21inch; 01 tivi Sony 40 inch; 01 ôn áp; 01 máy xay tiêu; 01 máy xịt thuốc; 01 bình xịt thuốc; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 01 Ampli + 01 đầu đĩa + 02 loa; 01 cặp lục bình gỗ Gỗ; 04 cục gỗ; 02 giường ngủ; 01 tủ nhôm; 01 tủ nhựa; 02 cuộn dây xịt thuốc; 03 cuộn ống tưới; 01 bàn bếp gaz; 01 bếp gaz; 01 đường điện 03 pha. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị T còn trình bày trong thời gian sống ly thân anh Đinh Văn T quản lý và thu toàn bộ hoa lợi trên đất nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu xem xét hoa lợi khi chia tài sản chung.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật và có nguyện vọng được nhận thửa đất số 334 và cây trồng trên đất, giao anh Đinh Văn T thửa đất số 358 và các công trình, cây trồng trên đất. Các tài sản khác đồng ý giao gần như toàn bộ cho anh Đinh Văn T sử dụng, chị Nguyễn Thị T chỉ có nguyện vọng được cặp lục bình bằng gỗ Gỗ, 04 cục gỗ; 02 giường ngủ; 01 tủ nhôm; 01 tủ nhựa; 02 cuộn dây xịt thuốc; 03 cuộn ống tưới; 01 bàn bếp gaz; 01 bếp gaz, do chị Nguyễn Thị T đang quản lý. Đối với đường điện 03 pha chị Nguyễn Thị T yêu cầu được sử dụng chung với anh Đinh Văn T. Giữa giá trị tài sản chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T được phân chia bằng hiện vật có sự chênh lệch về giá trị thì chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Đinh Văn T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T phần chênh lệch.

Ngày 01-4-2017 chị Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia 04 cục gỗ; 02 giường ngủ; 01 tủ nhôm; 01 tủ nhựa; 02 cuộn dây xịt thuốc; 03 cuộn ống tưới; 01 bàn bếp gaz; 01 bếp gaz.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T nợ chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T tổng số tiền 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng), chị Nguyễn Thị T yêu cầu phân chia nghĩa vụ đối với khoản nợ trên theo quy định của pháp luật. Nợ Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đắk Nông 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), anh Đinh Văn T đã đứng ra trả nợ xong; Nợ Ngân hàng C số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), chị Nguyễn Thị T đã trả nợ xong.

Mục đích khi vay tiền của chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T là để đầu tư trồng tiêu trên thửa đất số 334 và chi tiêu sinh hoạt gia đình. Chị Nguyễn Thị S chuyển cho chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn T thông qua Ngân hàng và qua bà Nguyễn Thị L (mẹ chị Nguyễn Thị T). Anh Đinh Văn T cho rằng anh Đinh Văn T không được nhận số tiền 80.000.000 đồng chị Nguyễn Thị S gửi qua Ngân hàng cho anh Đinh Văn T là không đúng. Số tiền này cả chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T cùng đi nhận, Ngân hàng chỉ giao tiền cho anh Đinh Văn T khi đã đổi chiếu chứng minh thư của người nhận tiền và người thực tế nhận tiền là một người.

Khoản nợ Ngân hàng S, anh Đinh Văn T đã trả cho ngân hàng nhưng anh Đinh Văn T không chứng minh được số tiền đã trả là tài sản riêng của anh Đinh Văn T và cũng không chứng minh được số tiền đã vay anh Mai Văn C được sử dụng để trả cho ngân hàng. Trong thời gian sống ly thân tài sản trong gia đình do anh Đinh Văn T quản lý và có thu nhập lớn từ hoa lợi, lợi tức trên tài sản đó nên số tiền trả cho ngân hàng có nguồn gốc từ tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác số tiền dùng để trả nợ trong thời gian anh chị chưa ly hôn nên 200.000.000 đồng anh Đinh Văn T đã trả ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng. Tại thời điểm hiện nay khoản nợ trên không tồn tại nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Khoản nợ của Ngân hàng C, chị Nguyễn Thị T đã trả trong thời gian giải quyết vụ án nên yêu cầu anh Đinh Văn T thanh toán lại $\frac{1}{2}$ số tiền đã trả.

Ngoài ra anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T còn đóng góp chung với tổ điện của ông Hoàng Văn T lắp đặt 01 đường điện 3 pha để sử dụng vào việc tưới cây trồng. Nay chia tài sản chung, chị Nguyễn Thị T yêu cầu quyền được sử dụng chung đường điện 3 pha cùng với anh Đinh Văn T để đảm bảo cho việc chăm sóc cây trồng.

Sau khi chị Nguyễn Thị T chết, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T đều giữ nguyên yêu cầu, quan điểm của chị Nguyễn Thị T như trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Anh Đinh Văn T thừa nhận thừa đất số 358 và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi. Anh Đinh Văn T có nguyện vọng nhận toàn bộ hiện vật và hoàn lại tiền cho chị Nguyễn Thị T.

Đối với thửa đất số 334 không phải do vợ chồng tự tạo lập mà có nguồn gốc là do bố mẹ anh Đinh Văn T cho anh Đinh Văn T trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn bố mẹ anh Đinh Văn T đồng ý cho làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) để làm ăn. Khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T đang chung sống hạnh phúc nên anh Đinh Văn T xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng nên GCNQSDĐ đứng tên anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T. Nay anh Đinh Văn T đề nghị HĐXX công nhận thửa 334 là tài sản riêng của anh Đinh Văn T, tài sản trên đất anh Đinh Văn T đồng ý chia đôi. Thửa đất số 358 tờ bản đồ số 47 và toàn bộ tài sản trên đất; đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi. Anh Đinh Văn T có nguyện vọng được phân chia toàn bộ hiện vật và đồng ý thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị T giá trị phân chênh lệch.

Về nợ chung: Anh Đinh Văn T thừa nhận nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Đák Nông số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là nợ chung. Số tiền 33.000.000 đồng nợ Ngân hàng C, chị Nguyễn Thị T tự vay anh Đinh Văn T không biết và đã tự trả nên anh Đinh Văn T không đồng ý hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ số tiền.

Tại đơn yêu cầu phân tố ngày 26-10-2016, anh Đinh Văn T trình bày: Ngày 19-12-2014 anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T vay của Ngân hàng S Chi nhánh Đắk Nông 200.000.000 đồng. Ngày 13-4-2015 chị Nguyễn Thị T bỏ nhà đi, ngày 18-5-2015 anh Đinh Văn T đã vay của anh Mai Văn C số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng để trả toàn bộ số tiền gốc và lãi đối với khoản vay. Nay yêu cầu Tòa án xác định số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày trả nợ xong là nợ chung và buộc chị Nguyễn Thị T cùng chịu nghĩa vụ trả số tiền này (bao gồm cả gốc và lãi).

Về khoản nợ 185.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T, anh Đinh Văn T chỉ công nhận nợ 40.000.000 đồng nhận tại Ngân hàng N - Chi nhánh N và anh Đinh Văn T đồng ý liên đới cùng chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị S anh Phạm Hồng T 40.000.000 đồng. Còn lại 145.000.000 đồng anh Đinh Văn T không đồng ý vì không được nhận cũng không biết gì về số nợ đó nên chị Nguyễn Thị T phải chịu nghĩa vụ trả nợ.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu quyền được sử dụng chung đường điện 3 pha cùng với anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn T không đồng ý vì đường điện trên không phải của anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T mà lắp nhờ ông Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị T muốn sử dụng chung thì hỏi ý kiến ông Hoàng Văn T còn anh Đinh Văn T không có quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị S có yêu cầu độc lập, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Hồng T, chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T cho chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn T vay tổng số tiền là 185.000.000 đồng trong 05 đợt. Đợt 01, ngày 28-9-2012 chị Nguyễn Thị S gửi qua Ngân hàng A, khách hàng thụ hưởng là Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng và các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 3-2015; Đợt 02, ngày 15-4-2013 gửi tiền qua Ngân hàng A, khách hàng thụ hưởng là Đinh Văn T số tiền 80.000.000 đồng; Đợt 03, ngày 06-6-2013 chị Nguyễn Thị S nhờ mẹ ruột (bà Nguyễn Thị L) cầm lên nhà trực tiếp cho anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 6.000.000 đồng; Đợt 04, ngày 07-8-2013 chị Nguyễn Thị S cũng nhờ mẹ ruột cầm trực tiếp cho anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 34.000.000 đồng, trong đó có 20.000.000 đồng tiền mặt và 05 chỉ vàng tương đương với 14.000.000 đồng; Đợt 05, ngày 17-9-2013 chị Nguyễn Thị S gửi tiền qua Ngân hàng A, khách hàng thụ hưởng là Nguyễn Thị T với số tiền 25.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T cho anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T vay tiền không lãi suất và đều có sự đồng ý của anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T trầm trọng đến mức phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị

Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn T trả hết nợ. Chị Nguyễn Thị T đồng ý trả nợ các khoản đã vay trên nhưng anh Đinh Văn T không đồng ý. Vì vậy, chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T khởi kiện yêu cầu anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T số tiền 185.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N có yêu cầu độc lập trình bày:

Ngày 19-12-2014 anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T vay của Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Nông 200.000.000 đồng. Ngày 13-4-2015 chị Nguyễn Thị T bỏ nhà đi, anh Đinh Văn T sợ ngân hàng bán đấu giá nhà đất để thu hồi nợ nên ngày 18-5-2015 anh Đinh Văn T đã vay của anh Mai Văn C, chị Đinh Thị N số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng để trả nợ cho ngân hàng. Nay anh Mai Văn C, chị Đinh Thị N yêu cầu Tòa án buộc anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T (đã chết), do người kế thừa quyền và nghĩa vụ phải trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 18-5-2015 đến khởi kiện với mức lãi suất 01%/tháng là 52.000.000 đồng.

Tại bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 74, Điều 87, Điều 88, Điều 128; Điều 131; Điều 142; khoản 2 Điều 218; Điều 243 và Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 281, khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 614, Điều 621 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37, khoản 3 Điều 38 Điều 45, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội; các khoản 6, 8, 9, 10 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Đinh Văn T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T; anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N.

1. Về tài sản chung:

a. Anh Đinh Văn T được phân chia tài sản gồm:

- Thửa đất số 334, tờ bản đồ 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 028190 do UBND huyện C cấp ngày 27-12-2005 cho hộ Đinh Văn T và Nguyễn Thị T; tứ cận: Phía bắc giáp thửa 271, chiều dài các đoạn lần lượt: 47,1m + 23,6m; Phía tây bắc giáp thửa 272 chiều dài các đoạn lần lượt: 34,6m + 13,6m + 25,2m; Phía nam

giáp đường đi chiều rộng các đoạn: 35m + 52,6m + 24,6m; Phía đông giáp thửa 358 chiều rộng: 128,3m. Diện tích 9.106m². Giá trị lô đất 91.060.000 đồng.

Tài sản gắn liền trên đất gồm: 282 cây tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2014; 290 cây tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2015; 628 trụ gỗ không có tiêu; 53 cây lồng mức trồng năm 2014. Tổng giá trị 120.064.000 đồng.

- ½ thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 936782 do UBND huyện C cấp ngày 12-12-2013 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T, diện tích $8.600/2 = 4.300\text{m}^2$ có tứ cận: Phía bắc giáp thửa 270 có chiều rộng 37.3m; Phía nam giáp đường đi có chiều 32.3m; Phía đông giáp thửa số 358, dài: 126.5m; Phía tây giáp thửa 334, dài: 128,3m. Giá trị 60.200.000 đồng.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 (một) ngôi nhà cấp 4, diện tích 38m², 01 mái hiên 6m²; 01 nhà bếp diện tích 19m², 01 chuồng heo, diện tích 24m², 01 Giếng khoan, phi 110; 01 Bồn nước 1.500lít có giá đỡ bằng khung sắt. Tổng giá trị 36.670.000 đồng.

Cây trồng gồm có: Tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2009 trong đó 75 cây loại B, 50 cây loại C và 28 cây tiêu đã chết chỉ còn lại trụ gỗ; 05 cây tiêu trồng mới trên trụ gỗ năm 2015; 82 cây lồng mức trồng năm 2013; 30 cây tiêu trồng trên cây lồng mức năm 2014 (tiêu đã chết, chỉ còn cây lồng mức); 03 cây Mít trồng năm 2014, 02 cây Mận trồng năm 2010; 06 cây Na trồng năm 2011; 03 cây Bơ trồng năm 2011. Tổng cộng 72.329.000 đồng.

- Đồ dùng sinh hoạt gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 175.42 (biển kiểm soát 48H2 - 0011 cũ); 01 bình xịt thuốc; 01 tivi Sony 40 inch; 01 ổn áp hiệu Lioa; 01 máy xay tiêu, 01 tủ lạnh; 01 máy giặt hiệu Sanyo lồng đứng; 01 máy lọc nước hiệu Karofi; 01 Ampli + 01 đầu đĩa + 02 loa; 01 cặp lục bình bằng gỗ Gỗ có chiều cao 1,72m; 01 xe mô tô biển kiểm soát 48 D1 052.84; 01 máy xịt thuốc, 01 tivi samsung. Tổng cộng 47.955.000 đồng.

b. Chị Nguyễn Thị T được phân chia quyền sử dụng, sở hữu những tài sản sau: ½ thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 936782 do UBND huyện C cấp ngày 12-12-2013 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T diện tích $8.600/2 = 4.300\text{m}^2$ tứ cận: Phía bắc giáp thửa 270 có chiều rộng 28.3m+9.5m; Phía nam giáp đường đi có chiều rộng 18.7m+13.9m; Phía đông giáp thửa số 335, dài: 130.3m; Phía tây giáp thửa 358, dài: 126.5m. Giá trị 60.200.000 đồng.

Cây trồng gồm có: Tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2009 trong đó 120 cây loại A, 50 cây loại C và 28 cây tiêu đã chết chỉ còn lại trụ gỗ; 06 cây Mít trồng năm 2014. Tổng cộng 106.562.000 đồng.

Giá trị tài sản anh Đinh Văn T được phân chia bằng hiện vật 306.626.000 đồng, giá trị tài sản chị Nguyễn Thị T được phân chia 288.414.000 đồng, trong đó giá trị tài

sản được phân chia bằng hiện vật là 166.762.000 đồng, anh Đinh Văn T phải hoàn lại tiền chênh lệch là 121.652.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị T phải hoàn lại cho anh Đinh Văn T số tiền 104.608.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền anh Đinh Văn T đã trả nợ chung và anh Đinh Văn T phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T 16.631.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền chị Nguyễn Thị T đã trả nợ chung, do đó anh Đinh Văn T chỉ phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T 33.675.000 đồng chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung còn lại.

Anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng đường điện 03 pha đã lắp đặt chung với tổ điện của ông Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm lắp đặt thêm 01 đồng hồ sau công tơ điện của anh Đinh Văn T để sử dụng chung.

2. Về nợ chung: Buộc anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T số tiền 92.500.000 đồng.

3. Về nợ riêng: Buộc anh Đinh Văn T phải thanh toán cho anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N số tiền 252.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 52.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia 04 cục gỗ; 02 giường ngủ; 01 tủ nhôm; 01 tủ nhựa; 02 cuộn dây xịt thuốc; 03 cuộn ống tưới; 01 bàn bếp gaz; 01 bếp gaz của chị Nguyễn Thị T.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Do chị Nguyễn Thị T đã chết không để lại di chúc nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T là người quản lý di sản và thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 10-10-2017, ông Nguyễn Văn X là người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 334, tờ bản đồ số 47 là có nguồn gốc từ bố mẹ anh Đinh Văn T cho nên chia cho anh Đinh Văn T 60% giá trị thửa đất, bởi lẽ đây là tài sản chung do chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T bỏ tiền mua của bố mẹ anh Đinh Văn T; đồng thời bản án sơ thẩm chia cho chị Nguyễn Thị T được $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47 là không đúng nên yêu cầu được chia cho anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T mỗi người 01 thửa đất; ngoài ra, ông Nguyễn Văn X kháng cáo không đồng ý chia đôi số tiền 200.000.000đ trả nợ cho Ngân hàng S vì tiền trả nợ là tài sản chung của anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T; đối với cặp lục minh gỗ Gỗ là ý nguyện của chị Nguyễn Thị T trước khi chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh Đinh Văn T nên gia đình không đồng ý.

Ngày 11-10-2017, bị đơn anh Đinh Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc chia tài sản chung như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và của bị đơn anh Đinh Văn T làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn X là đại diện hợp pháp của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2017/HN&GD-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và kháng cáo của anh Đinh Văn T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và đơn kháng cáo của anh Đinh Văn T là trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

2.1. Các đương sự đều thừa nhận Thừa đất số 358 tờ bản đồ số 47 và toàn bộ tài sản trên đất; Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 334 tờ bản đồ số 47; tất cả đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là tài sản chung của vợ chồng nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2.2. Đối với thửa đất số 334, tờ bản đồ số 47 (Diện tích 9.106m², trị giá 91.060.000 đồng), những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T cho rằng đất có nguồn gốc của bố mẹ anh Đinh Văn T bán cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T sau khi kết hôn với giá 12.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T anh Đinh Văn T có nhờ bà Nguyễn Thị L (mẹ chị Nguyễn Thị T) giao tiền cho mẹ anh Đinh Văn T là bà Nguyễn Thị S1. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L lại khai bà Nguyễn Thị L có cho vợ chồng anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T tiền để mua đất, khi chị Nguyễn Thị T anh Đinh Văn T giao tiền mua đất thì bà Nguyễn Thị L có chứng

kiến, còn giao bao nhiêu, như thế nào là do chị Nguyễn Thị T anh Đinh Văn T thực hiện chứ không phải bà Nguyễn Thị L là người được chị Nguyễn Thị T nhờ giao tiền (BL 524). Như vậy, lời khai của bà Nguyễn Thị L mâu thuẫn với lời khai của chị Nguyễn Thị T, do đó không có căn cứ xác định tài sản trên do anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T mua của bà Nguyễn Thị S1 với giá 12.000.000 đồng như chị Nguyễn Thị T và những người thừa kế trình bày.

Phía anh Đinh Văn T cho rằng, sau khi kết hôn bố mẹ anh Đinh Văn T đồng ý cho vợ chồng anh làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 334 để làm ăn. Khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T đang chung sống hạnh phúc nên anh Đinh Văn T xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng nên GCNQSDĐ đứng tên anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T. Nay anh Đinh Văn T yêu cầu Tòa án xác định là tài sản riêng của anh Đinh Văn T. Tuy nhiên, không đưa ra được văn bản nào để chứng minh lời khai của mình. Mặt khác, mẹ anh Đinh Văn T không có yêu cầu gì đối với thửa đất này, bố anh Đinh Văn T đã chết; GCNQSDĐ đối với thửa đất này do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thửa đất trên là tài sản chung của anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị T nhưng chia cho anh Đinh Văn T phần giá trị quyền sử dụng đất nhiều hơn phần chia cho chị Nguyễn Thị T là thỏa đáng.

Đối với nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T được phân chia thửa đất số 334 và tài sản trên đất còn giao anh Đinh Văn T đất và tài sản trên đất thừa còn lại. Song anh Đinh Văn T cho rằng thửa đất số 334 là kỷ niệm của bố mẹ anh Đinh Văn T để lại nên muốn giữ lại và thanh toán tài sản trên đất cho chị Nguyễn Thị T. Mặt khác, chị Nguyễn Thị T đã chết vào ngày 07-5-2017, anh Đinh Văn T đang quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản chung và có nhu cầu sử dụng để nuôi các con còn nhỏ, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị L đều đã già và ở xa (tỉnh Nam Định). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao thửa đất 334 và tài sản trên đất cho anh Đinh Văn T đồng thời buộc anh Đinh Văn T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị đất tương ứng tỷ lệ 40% và ½ giá trị tài sản trên đất (tổng giá trị tài sản 120.064.000 đồng) cho chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

2.3. Thửa đất số 358 tờ bản đồ số 47 (Diện tích 8.600m², trị giá 120.400.000 đồng) và toàn bộ tài sản trên đất (trị giá 214.158.000 đồng) là tài sản chung của vợ chồng anh Đinh Văn T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên chia cho mỗi người một nửa là đúng pháp luật. Căn nhà trên thửa đất 358 lệch về phía giáp với thửa đất 334, anh Đinh Văn T đang ở trong căn nhà này và cũng có nguyện vọng lấy phần đất có nhà. Do đó, việc giao anh Đinh Văn T được sử dụng phần đất có nhà, giao chị Nguyễn Thị T phần đất còn lại, chia tài sản trên đất tương ứng trên mỗi phần đất được phân chia và thanh toán cho nhau giá trị chênh lệch là phù hợp pháp luật.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và anh Đinh Văn T đối với 02 thửa đất và tài sản trên đất nêu trên.

2.4. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt gia đình (trị giá 44.275.000 đồng): Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nhận cấp lục bình, giao toàn bộ cho anh

Đình Văn T các tài sản còn lại. Song, anh Đình Văn T yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt và thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Do vậy, cần chấp nhận theo nguyện vọng của anh Đình Văn T theo đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T cũng như kháng cáo của ông Nguyễn Văn X.

2.5. Về nợ chung:

Đối với khoản nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Nông số tiền 200.000.000 đồng các đương sự đều thừa nhận là nợ chung, anh Đình Văn T đã trả nợ và yêu cầu chị Nguyễn Thị T chịu nghĩa vụ chung vì tiền trả nợ ngân hàng là anh Đình Văn T vay của anh Mai Văn C. Chị Nguyễn Thị T cho rằng tiền anh Đình Văn T trả nợ là tiền bán tiêu vụ 2015 là tiền chung của vợ chồng nên không đồng ý hoàn lại $\frac{1}{2}$ cho anh Đình Văn T. Song, anh Đình Văn T khai nhận, vụ tiêu năm 2015 anh Đình Văn T chỉ thu được 04 tạ tiêu, giá trị 60.000.000 đồng, trừ các khoản chi phí đầu tư và sinh hoạt đã hết. Mặt khác, anh Đình Văn T trả nợ từ tháng 5-2015 còn tiêu vụ năm 2015 thì cuối năm 2015 mới được thu. Do vậy, việc anh Đình Văn T yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số tiền anh Đình Văn T đã trả nợ cho Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Nông là có căn cứ và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm đã căn trừ số tiền mà chị Nguyễn Thị T phải hoàn lại cho anh Đình Văn T là 104.608.000 đồng vào tiền chênh lệch giá trị tài sản mà anh Đình Văn T phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T nên không tuyên buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Đình Văn T là phù hợp.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã trả cho Ngân hàng C, quá trình giải quyết anh Đình Văn T thừa nhận đây là khoản nợ chung (BL 36-38) nhưng tại đơn kháng cáo anh Đình Văn T lại cho rằng không biết chị Nguyễn Thị T vay khoản nợ này là mâu thuẫn. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đình Văn T.

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đình Văn T về việc không chấp nhận có nợ của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T số tiền 185.000.000 đồng mà cho rằng chỉ nợ chị Nguyễn Thị S số tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả 40.000.000 đồng, xét thấy: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Đình Văn T cho rằng anh và chị Nguyễn Thị T chỉ nợ chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T số tiền 40.000.000 đồng nhưng tại đơn kháng cáo anh Đình Văn T lại xác định nợ chị Nguyễn Thị S số tiền 80.000.000 đồng là mâu thuẫn. Hơn nữa, số tiền 80.000.000 đồng là do chị Nguyễn Thị T ký nhận và người thụ hưởng là anh Đình Văn T; anh Đình Văn T cũng thừa nhận chữ ký trong chứng từ giao dịch ngày 16-4-2013 là của anh Đình Văn T. Còn lại khoản tiền 65.000.000 đồng đã chuyển cho chị Nguyễn Thị T qua ngân hàng 25.000.000 đồng, giao tiền mặt 40.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền sử dụng vào việc cải tạo đất, trồng và chăm sóc tiêu, chi tiêu sinh hoạt gia đình là phục vụ nhu cầu thiết yếu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản nợ 185.000.000 đồng vay của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T là nợ chung của vợ chồng anh Đình Văn T là có căn cứ

nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T.

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản vay 200.000.000 đồng của anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N là nợ riêng của anh Đinh Văn T. Quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận anh Đinh Văn T vay tiền của anh Mai Văn C sau khi chị Nguyễn Thị T đã đi khỏi nhà, chị Nguyễn Thị T không biết việc vay khoản tiền này. Anh Đinh Văn T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mục đích vay tiền của anh Mai Văn C là dùng vào việc trả nợ cho ngân hàng. Mặt khác, đối với khoản nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Nông số tiền 200.000.000 đồng, do anh Đinh Văn T đã tự trả nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã buộc chị Nguyễn Thị T phải hoàn lại cho anh Đinh Văn T ½ khoản nợ này. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T về việc buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ đối với ½ khoản nợ 200.000.000 đồng do anh Đinh Văn T vay của anh Mai Văn C, chị Đinh Thị N.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X và yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

[3]. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn S và anh Đinh Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đinh Văn T;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 74, Điều 87, Điều 88, Điều 128; Điều 131; Điều 142; khoản 2 Điều 218; Điều 243 và Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 281, khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 614, Điều 621 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37, khoản 3 Điều 38, Điều 45, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Đinh Văn T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Hồng T; anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N.

2.1. Về tài sản chung:

a. Anh Đinh Văn T được phân chia tài sản gồm:

- Thửa đất số 334, tờ bản đồ 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 028190 do UBND huyện C cấp ngày 27-12-2005 cho hộ Đinh Văn T và Nguyễn Thị T; tứ cận: Phía bắc giáp thửa 271, chiều dài các đoạn lần lượt: 47,1m + 23,6m; Phía tây bắc giáp thửa 272 chiều dài các đoạn lần lượt: 34,6m + 13,6m + 25,2m; Phía nam giáp đường đi chiều rộng các đoạn: 35m + 52,6m + 24,6m; Phía đông giáp thửa 358 chiều rộng: 128,3m. Diện tích 9.106m², giá trị lô đất 91.060.000 đồng.

Tài sản gắn liền trên đất gồm: 282 cây tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2014; 290 cây tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2015; 628 trụ gỗ không có tiêu; 53 cây lồng mức trồng năm 2014; tổng giá trị 120.064.000 đồng.

- ½ thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 936782 do UBND huyện C cấp ngày 12-12-2013 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T, diện tích $8.600/2 = 4.300\text{m}^2$ có tứ cận: Phía bắc giáp thửa 270 có chiều rộng 37.3m; Phía nam giáp đường đi có chiều 32.3m; Phía đông giáp thửa số 358, dài: 126.5m; Phía tây giáp thửa 334, dài: 128,3m; giá trị 60.200.000 đồng.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 (một) ngôi nhà cấp 4, diện tích 38m², 01 mái hiên 6m²; 01 nhà bếp diện tích 19m², 01 chuồng heo, diện tích 24m², 01 Giếng khoan, phi 110; 01 Bồn nước 1.500lít có giá đỡ bằng khung sắt; tổng giá trị 36.670.000 đồng.

Cây trồng gồm có: Tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2009 trong đó 75 cây loại B, 50 cây loại C và 28 cây tiêu đã chết chỉ còn lại trụ gỗ; 05 cây tiêu trồng mới trên trụ gỗ năm 2015; 82 cây lồng mức trồng năm 2013; 30 cây tiêu trồng trên cây lồng mức năm 2014 (tiêu đã chết, chỉ còn cây lồng mức); 03 cây Mít trồng năm 2014, 02 cây Mận trồng năm 2010; 06 cây Na trồng năm 2011; 03 cây Bơ trồng năm 2011; tổng cộng 72.329.000đồng.

- Đồ dùng sinh hoạt gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 175.42 (biển kiểm soát 48H2 - 0011 cũ); 01 bình xịt thuốc; 01 tivi Sony 40 inch; 01 ỏn áp hiệu Lioa; 01 máy xay tiêu, 01 tủ lạnh; 01 máy giặt hiệu Sanyo lồng đứng; 01 máy lọc nước hiệu Karofi; 01 Ampli + 01 đầu đĩa + 02 loa; 01 cặp lục bình bằng gỗ Gỗ có chiều cao

1,72m; 01 xe mô tô biển kiểm soát 48 D1 052.84; 01 máy xịt thuốc, 01 tivi samsung; tổng cộng 47.955.000 đồng.

b. Chị Nguyễn Thị T được phân chia quyền sử dụng, sở hữu những tài sản sau: ½ thửa đất số 358, tờ bản đồ số 47, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 936782 do UBND huyện C cấp ngày 12-12-2013 cho ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T, diện tích $8.600/2 = 4.300m^2$ tứ cận: Phía bắc giáp thửa 270 có chiều rộng 28.3m+9.5m; Phía nam giáp đường đi có chiều rộng 18.7m+13.9m; Phía đông giáp thửa số 335, dài: 130.3m; Phía tây giáp thửa 358, dài: 126.5m. Giá trị 60.200.000 đồng.

Cây trồng gồm có: Tiêu trồng trên trụ gỗ năm 2009 trong đó 120 cây loại A, 50 cây loại C và 28 cây tiêu đã chết chỉ còn lại trụ gỗ; 06 cây Mít trồng năm 2014; tổng cộng 106.562.000 đồng.

Giá trị tài sản anh Đinh Văn T được phân chia bằng hiện vật 306.626.000 đồng, giá trị tài sản chị Nguyễn Thị T được phân chia 288.414.000 đồng, trong đó giá trị tài sản được phân chia bằng hiện vật là 166.762.000 đồng, anh Đinh Văn T phải hoàn lại tiền chênh lệch là 121.652.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị T phải hoàn lại cho anh Đinh Văn T số tiền 104.608.000 đồng là ½ số tiền anh Đinh Văn T đã trả nợ chung cho khoản nợ Ngân hàng S – Chi nhánh Đắk Nông và anh Đinh Văn T phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 16.631.000 đồng là ½ số tiền chị Nguyễn Thị T đã trả nợ chung cho khoản nợ Ngân hàng C nên anh Đinh Văn T chỉ phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 33.675.000đ (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung còn lại.

Anh Đinh Văn T chị Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng đường điện 03 pha đã lắp đặt chung với tổ điện của ông Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm lắp đặt thêm 01 đồng hồ sau công tơ điện của anh Đinh Văn T để sử dụng chung.

2.2. Về nợ chung: Buộc anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T số tiền 92.500.000đ (*Chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.3. Về nợ riêng: Buộc anh Đinh Văn T phải thanh toán cho anh Mai Văn C và chị Đinh Thị N số tiền 252.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu đồng*), trong đó nợ gốc 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi 52.000.000đ (*Năm mươi hai triệu đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia 04 cục gỗ; 02 giường ngủ; 01 tủ nhôm; 01 tủ nhựa; 02 cuộn dây xịt thuốc; 03 cuộn ống tưới; 01 bàn bếp gaz; 01 bếp gaz của chị Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do chị Nguyễn Thị T đã chết không để lại di chúc nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị T là người quản lý di sản và thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí định giá: Chi phí định giá là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí định giá là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), được trừ vào số tiền chi phí định giá chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn T đã nộp đủ tại Tòa án.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được phân chia; trong đó anh Đinh Văn T phải chịu 15.331.300 đồng và chị Nguyễn Thị T phải chịu 14.420.700 đồng.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị S, anh Phạm Hồng T được chấp nhận, trong đó mỗi người phải chịu là 4.625.000 đồng. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị S anh Phạm Hồng T số tiền 4.625.000đ (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 008077 ngày 14-5-2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Anh Đinh Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh Mai Văn C chị Đinh Thị N được chấp nhận là 12.600.000 đồng. Hoàn trả cho anh Mai Văn C, chị Đinh Thị N số tiền 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003368 ngày 21-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Tổng cộng án phí chị Nguyễn Thị T phải chịu là 19.045.700 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.868.756 đồng theo biên lai số: 008056 ngày 13-4-2015 và 437.500 đồng theo biên lai số: 0003147 ngày 12-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, chị Nguyễn Thị T phải nộp 13.739.500đ (*Mười ba triệu bảy trăm ba chín nghìn năm trăm đồng*).

Tổng cộng án phí anh Đinh Văn T phải chịu là 32.556.300 đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001227 ngày 04-11-2016 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, còn lại phải nộp 30.056.300đ (*Ba mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm đồng*).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326 2016/UBTVQH14 của Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Văn X và anh Đinh Văn T mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000928 và biên lai số: 0000934 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương